Journal of educational equipment: Applied research, Volume 2, Issue 307 (February 2024)
ISSN 1859 - 0810

Cải thiện kỹ năng nói tiếng Anh của sinh viên không chuyên năm thứ nhất Trường Đại học Đại Nam: thách thức và giải pháp

Lê Thị Hoà*

**ThS. Khoa Ngôn ngữ Anh, Trường Đại học Đại Nam*
Received: 29/01/2024; Accepted: 06/02/2024; Published: 07/02/2024

Abstract: *This article investigates the various factors that hinder the development of speaking skills among non-majored first-year students at Dai Nam University. Effective communication, particularly in the context of spoken English, is a crucial skill for both academic success and future career prospects. However, numerous challenges often obstruct students' progress in this domain. This study identifies common impediments and offers potential solutions. The research aims to empower first-year students to build confidence and competence in their speaking skills, ultimately enhancing their academic achievements and future employability.*

Keywords: *Obstacles, speaking skill, first year students, Dai Nam university*

1. Đặt vấn đề

Ngôn ngữ Anh, vốn là một trong những ngôn ngữ phổ biến nhất toàn cầu và được công nhận là ngôn ngữ chính thức tại gần 60 quốc gia có chủ quyền, nay đã trở thành một yếu tố bắt buộc và không thể thiếu đối với công dân toàn cầu. Trong ngữ cảnh giáo dục tại Việt Nam, tiếng Anh đã lâu trở thành một môn học bắt buộc được triển khai tại tất cả các cấp học, bao gồm giáo dục đại học.

Theo Harmer (2007), kỹ năng nói (KNN) là khả năng nói một cách trôi chảy và đòi hỏi không chỉ kiến thức ngôn ngữ mà còn khả năng xử lý thông tin và ngôn ngữ ngay tức thì. Bygate M. (1987) đã chỉ ra rằng KNN là một trong những kỹ năng ngôn ngữ quan trọng, được coi là một khía cạnh phản xạ của quá trình học tập ngôn ngữ. Nó cho phép người học trình bày và diễn đạt suy nghĩ, mong muốn, và cảm xúc của họ thông qua việc tương tác bằng ngôn ngữ với người nghe. Theo Byrne (1986), nói được hiểu như một quá trình tương tác hai chiều giữa người nói và người nghe, liên quan đến quá trình mã hoá thông tin bằng ngôn ngữ bởi người nói và phân tích, giải mã thông tin bởi người nghe. Ngữ cảnh và tình huống giao tiếp đóng một vai trò quan trọng trong việc giúp người nói thể hiện ý kiến của họ một cách tự nhiên. Điều này bao gồm cả các tình huống trang trọng và những tình huống giao tiếp hằng ngày. Hiệu quả của KNN không chỉ được quyết định bởi yếu tố ngôn ngữ mà còn bởi các yếu tố phi ngôn ngữ và phương pháp giảng dạy của giảng viên đóng một vai trò rất quan trọng đối với thành công của việc học KNN tiếng Anh.

Trong thực tế, SV năm nhất tại Đại học Đại Nam thường phải đối mặt với một loạt khó khăn trong quá trình tham gia vào các hoạt động thực hành KNN tiếng Anh trong bối cảnh lớp học.

Những khó khăn này đặt ra một nhiệm vụ quan trọng cho trường Đại học Đại Nam nói chung và các giảng viên Khoa Ngôn ngữ Anh nói riêng trong việc cung cấp môi trường học tập và hỗ trợ thích hợp để giúp SV năm nhất phát triển KNN một cách tự tin và hiệu quả, đồng thời giảm bớt áp lực và tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình học tập của họ.

Thực tế đó đã đặt ra những câu hỏi nghiên cứu sau đây:

Thực trạng KNN của SV không chuyên năm nhất tại Đại học Đại Nam như thế nào?

Những yếu tố nào là rào cản trong việc cải thiện KNN của SV?

Các giải pháp để cải thiện KNN cho SV không chuyên năm nhất trường Đại học Đại Nam là gì?

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện tại Đại học Đại Nam với 136 SV (62 nam và 74 nữ) K17. Đây là các SV của ngành Marketing năm thứ nhất, đang theo học tiếng Anh học phần 1.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này tác giả sử dụng kết hợp phương pháp thu thập số liệu (khảo sát sử dụng bảng câu hỏi điều tra), phỏng vấn và quan sát. Tác giả đã tiến hành một bài kiểm tra ban đầu về KNN của SV. Bài kiểm tra này được thiết kế theo dạng đóng vai (role-play).

SV làm việc theo cặp, hoàn thành một tình huống để đánh giá khả năng nói của họ dựa trên sáu tiêu chí cụ thể, bao gồm phát âm, ngữ pháp, từ vựng, sự trôi chảy, sự phù hợp, sự tự tin. Ngoài ra tác giả còn quan sát cách thức mà người học chuẩn bị và tiến hành một hoạt động nói trong lớp để tìm ra những rào cản đối với sự tiến bộ của người học.

2.3. Kết quả nghiên cứu

Theo kết quả khảo sát, 111 trong tổng số 136 SV (81.6%) cho rằng KNN là kỹ năng khó nhất. Có rất nhiều nguyên nhân dẫn đến việc SV cảm thấy KNN là khó nhất trong số 4 kỹ năng.

Thiếu từ vựng: SV không đủ vốn từ vựng để có thể diễn đạt được đúng ý mình cần diễn đạt. (73.5%)

Kiến thức ngữ pháp chưa tốt: SV chưa nhớ được hết các quy tắc ngữ pháp, chưa phân biệt được sự khác nhau giữa cấu trúc câu trần thuật và câu nghi vấn, giữa các thì dễ nhầm lẫn với nhau. (70.5%)

Thiếu tự tin: Đây là yếu tố quan trọng nhất dẫn đến những khó khăn trong phát triển KNN của SV năm nhất. Ngay cả đối với những SV đã có nền tảng ngữ pháp và từ vựng khá tốt. Điều này là do đa số SV đến từ các vùng nông thôn nên điều kiện giao tiếp sử dụng Tiếng Anh ở cấp học phổ thông còn hạn chế. Việc dạy học Tiếng Anh ở cấp phổ thông, theo kết quả khảo sát, cũng không tập trung vào phát triển kỹ năng, đặc biệt là KNN. 66.9% SV tham gia khảo sát báo cáo rằng ở cấp học phổ thông họ chưa từng tham gia một hoạt động nói theo tình huống giao tiếp, chỉ đơn thuần nghe giảng và làm bài tập ngữ pháp, từ vựng, đọc hiểu…

Sau bài kiểm tra về KNN bằng cách cho SV đóng vai để hoàn thành một tình huống giao tiếp hàng ngày, tác giả nhận thấy thực trạng KNN của SV không chuyên năm nhất rất đáng lo ngại. Đối với hầu hết SV (88,3%), khả năng thực hiện "vai diễn" là không khả thi. Chỉ 16 trong tổng số 136 SV có thể mở đầu cuộc trò chuyện mà không cần sử dụng kịch bản. Số còn lại đều phải cùng nhau viết ra một kịch bản chi tiết rồi đọc to kịch bản đã chuẩn bị. Khi được yêu cầu không sử dụng kịch bản và thực hiện giao tiếp tự do, 64% SV không thể thực hiện được. Phần còn lại có thể tiếp tục, nhưng tương tác giữa họ thường không phù hợp, trong đó SV A có thể trả lời câu hỏi trước khi được SV B đặt câu hỏi, hoặc ngược lại, làm mất đi tính tương tác hợp nhất giữa họ.

Cũng qua bài kiểm tra, tác giả nhận thấy một vấn đề nổi cộm khác đó là sự tập trung quá mức của SV vào nhiệm vụ nói chính của mình, mà không tập trung đúng mức vào việc lắng nghe đối phương. Điều này dẫn đến tình trạng thiếu hiểu biết tương tác và khả năng đồng thuận trong giao tiếp. SV thường xuyên đặt mức độ ưu tiên cao cho việc diễn đạt ý kiến cá nhân mà quên đi tầm quan trọng của việc lắng nghe và hiểu rõ quan điểm của người khác. Sự thiếu hụt trong khả năng tương tác này không chỉ ảnh hưởng đến chất lượng của cuộc trò chuyện mà còn tạo ra hiểu lầm và sự không đồng thuận, tăng nguy cơ xảy ra sự cố trong các tình huống giao tiếp thực tế.

2.4. Đề xuất một số hoạt động cải thiện KNN cho SV

KNN đóng vai trò quan trọng trong quá trình học một ngoại ngữ vì nó là cầu nối tới giao tiếp hiệu quả. Thông qua việc thực hành nói, người học có cơ hội áp dụng ngôn ngữ vào các tình huống thực tế, giúp họ trở nên linh hoạt và sáng tạo trong sử dụng từ vựng và ngữ pháp.

Trong quá trình giảng dạy SV năm nhất, giảng viên nên lựa chọn những chủ đề quen thuộc hàng ngày để SV luyện tập, tránh các chủ đề đòi hỏi lượng từ vựng có tính chuyên ngành sâu như kỹ thuật, khoa học, hay chính trị quá phức tạp. Thay vào đó, việc tập trung vào các chủ đề như gia đình, bạn bè, môi trường xung quanh, và sinh hoạt hàng ngày sẽ giúp SV dễ dàng tiếp cận và áp dụng ngôn ngữ vào cuộc sống thực tế của họ. Bằng cách này, SV có thể phát triển vốn từ vựng cơ bản một cách tự tin và linh hoạt, đồng thời tăng khả năng giao tiếp trong các tình huống quen thuộc, giúp SV thoải mái hơn trong việc thể hiện ý kiến và chia sẻ thông điệp cá nhân của họ, tạo ra một môi trường học tập tích cực và năng động.

Một số hoạt động luyện nói có thể đem lại hiệu quả cao cho SV năm nhất là hoạt động nhóm, nơi họ có thể tương tác và thực hành KNN thông qua giao tiếp nhóm. Hoạt động theo cặp cũng tạo điều kiện cho sự tương tác chặt chẽ, khuyến khích sự chia sẻ ý kiến và học hỏi từ đối tác. Trò chơi cũng là cách thú vị để rèn luyện từ vựng và kỹ năng giao tiếp một cách tự nhiên. Thuyết trình giúp SV phát triển khả năng trình bày ý và đồng thời làm quen với việc nói trước đám đông. Cuối cùng, đóng vai hội thoại giúp SV áp dụng KNN trong các tình huống thực tế, tăng cường sự tự tin và linh hoạt trong việc sử dụng ngôn ngữ. Những hoạt động này không chỉ hỗ trợ nâng cao KNN mà còn tạo ra một môi trường học tập tích cực, khuyến khích sự tham gia và sáng tạo từ phía SV.

Bên cạnh việc chọn lựa các chủ đề quen thuộc và hoạt động phù hợp, giảng viên cũng cần phải trang bị cho SV các cấu trúc ngữ pháp và từ vựng cho mỗi tình huống, đảm bảo SV có đủ kiến thức cần thiết để thực hiện hoạt động nói hiệu quả.

(Xem tiếp trang 86)

liệu đã cho là $x_{3\left(\frac{n+1}{4}\right)}$

* Nếu $\frac{n+1}{2}-1$ chẵn thì tứ phân vị thứ nhất của mẫu số liệu đã cho là $\frac{1}{2}\left(x_{\frac{n-1}{4}}+x_{\frac{n-1}{4}+1}\right)$; tứ phân vị thứ ba của mẫu số liệu đã cho là $\frac{1}{2}\left(x_{3\left(\frac{n-1}{4}\right)+1}+x_{3\left(\frac{n-1}{4}\right)+2}\right)$

TH2: Cỡ mẫu n chẵn thì trung vị của mẫu số liệu là $\frac{1}{2}\left(x_{\frac{n}{2}}+x_{\frac{n}{2}+1}\right)$. Khi đó tứ phân vị thứ hai của mẫu số liệu là $x_{\frac{n+1}{2}}$, tứ phân vị thứ hai sẻ chia mẫu số liệu đã cho thành hai mẫu số liệu $x_1;x_2;...;x_{\frac{n}{2}}$ và $x_{\frac{n}{2}+1};x_{\frac{n}{2}+2};...;x_n$

* Nếu $\frac{n}{2}$ lẻ thì tứ phân vị thứ nhất của mẫu số liệu đã cho là $x_{\frac{n+2}{4}}$; tứ phân vị thứ ba của mẫu số liệu đã cho là $x_{\frac{3n+2}{4}}$

* Nếu $\frac{n}{2}$ chẵn thì tứ phân vị thứ nhất của mẫu số liệu đã cho là $\frac{1}{2}\left(x_{\frac{n}{4}}+x_{\frac{n}{4}+1}\right)$; tứ phân vị thứ ba của mẫu số liệu đã cho là $\frac{1}{2}\left(x_{\frac{3n}{4}}+x_{\frac{3n}{4}+1}\right)$

3. Kết luận

Đề tài "phân tích cách giải một số bà toán tìm trung vị, tứ phân vị của mẫu số liệu ghép nhóm" đã cung cấp cho học sinh cách xác định nhóm chứa trung vị, các nhóm chứa các tứ phân vị để giải quyết bài toán xác định trung vị, ước lượng các tứ phân vị của mẫu số liệu ghép nhómtrong chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 ở lớp 11.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Toán 11 Chân trời sáng tạo; Kết nối tri thức với cuộc sống*, NXB Giáo dục Việt Nam.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Toán 11, Cánh diều*, NXB Đại học sư phạm.

3. PhạmVăn Chững, LêThanh Hoa, Nguyễn Đình Uông (2019),*Thống Kê Ứng Dụng,* NXB Đại Học Quốc Gia Tp Hồ Chí Minh.

Cải thiện kỹ năng nói tiếng Anh của sinh viên... *(tiếp theo trang 23)*

Ngoài ra, GV phải tìm cách thay đổi thói quen đọc kịch bản của SV, yêu cầu SV lắng nghe đối phương để hiểu rõ tình huống và phản hồi phù hợp, thay cho việc chỉ tập trung cao độ vào việc mình phải nói gì. Để làm được điều này, giảng viên phải từng bước tạo được sự tự tin ở SV bằng cách bắt đầu với các tình huống đơn giản, đảm bảo SV có thể làm được mà không cần nhìn kịch bản đã soạn sẵn. Khi SV đã tạo được kỹ năng đó, giảng viên sẽ tăng dần độ khó tiến tới việc thực hiện các tình huống giao tiếp tự do, giống đời sống thực mà không cần soạn kịch bản để đọc.

Để tối ưu hóa quá trình học, GV cũng cần điều chỉnh phương pháp tiếp cận hoạt động nói của SV. Thay vì chỉ tập trung vào nhiệm vụ nói của bản thân, SV nên được khuyến khích hướng sự chú ý vào đối tác để hiểu sâu về bối cảnh và phản hồi có ý nghĩa. Để thực hiện điều này, GV có thể khởi đầu từ các tình huống đơn giản, giúp SV xây dựng sự tự tin. Sau khi đạt được sự ổn định, GV có thể gia tăng độ khó, dần dần chuyển đến các tình huống giao tiếp tự do, giúp SV thích ứng với thách thức mà không gặp áp lực quá mức. Mục tiêu cuối cùng là phát triển khả năng giao tiếp tự nhiên và linh hoạt, tương đương với giao tiếp trong cuộc sống hàng ngày.

3. Kết luận

Tầm quan trọng của KNN trong quá trình học tiếng Anh là không thể phủ nhận. Để tối đa hóa khả năng nói cho SV năm nhất, Đại học Đại Nam, việc tạo môi trường học tập hỗ trợ và khuyến khích là quan trọng. Tạo cơ hội cho SV tham gia vào các cuộc trò chuyện ý nghĩa, thảo luận và thuyết trình giúp họ áp dụng kỹ năng ngôn ngữ của mình trong các tình huống thực tế. Hơn nữa, việc tích hợp các hoạt động tương tác và giao tiếp vào kế hoạch giảng dạy, như đóng vai, tranh luận và thảo luận nhóm, có thể cải thiện đáng kể khả năng nói của SV. Bằng việc chú trọng phát triển KNN cho SV năm nhất, GV không chỉ đóng góp vào sự phát triển ngôn ngữ của SV trong các năm học tiếp theo mà còn hướng tới mục tiêu lớn hơn, đó là giúp SV giao tiếp hiệu quả trong bối cảnh toàn cầu.

Tài liệu tham khảo

1. Anderson, A. et al. (1984) *Teaching talk: strategies for production and assessment*. Cambridge: Cambridge University Press.

2. Bygate M. (1987), *Speaking*. Oxford University Press.

3. Harmer (2007), *The Practice of English Language Teaching*. Harlow: Longman.

4. Hughes, R. (2011) *Teaching and researching speaking*. 2nd edition. Harlow: Longman.

5. Thornbury, S. (2005) *How to Teach Speaking*. Harlow: Longman.